

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14- 02- 2020

*“V/v Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N , sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số nhà 236 khóm H , phường K , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh L , sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà 171 khóm T , phường K , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 nguyên đơn Huỳnh Thị N trình bày:

Chị N kết hôn với anh Đặng Thanh L và được Ủy ban nhân dân phường K , thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/8/2014. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng có 01 con chung là Đặng Thị Diệu T (nữ) sinh ngày 14/11/2011. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình làm phát sinh mâu thuẫn, anh L ghen tuông nên bạo hành với vợ do đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống không còn hạnh phúc nữa. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Thanh L .

- Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Đặng Thị Diệu T (nữ) sinh ngày 14/11/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của con. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Đặng Thị Diệu T .

Bị đơn Đặng Thanh L trình bày: Anh L và chị Huỳnh Thị N kết hôn, có đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân phường K , thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/8/2014 đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với cha mẹ ruột của anh L tại khóm T , phường K , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, vợ chồng anh chị có một con chung là Đặng Thị Diệu T (nữ) sinh ngày 14/11/2011. Trong cuộc sống vợ chồng, chị N thường xuyên dùng điện thoại liên lạc thân mật với người đàn ông khác nên anh L ghen, không kiềm chế được nên anh L có đánh chị N . Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã và chị N đã đưa con về sống với cha mẹ ruột của chị N từ tháng 10/2019 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Thanh L còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị N .

- Về con chung: Nếu phải ly hôn thì anh L đồng ý giao cho chị N được tiếp tục nuôi con chung là Đặng Thị Diệu T (nữ) sinh ngày 14/11/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của con, anh L không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh L đồng ý với tài liệu, chứng cứ do chị N giao nộp và anh L có nộp cho Tòa án đơn trình bày ý kiến, ngoài ra anh L không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản ghi lời khai của cháu Đặng Thị Diệu T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh L, giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh L không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu; chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị N được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Đặng Thị Diệu T cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định chị N kết hôn với anh L được Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Vĩnh Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/8/2014 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật.

Vì vậy, giữa chị N và anh L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh L do vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm không còn; trong khi đó anh L trình bày là còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên bản thân anh L không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ lúc chị N về sống với cha mẹ chị N thì anh L cũng không tìm gặp chị N và cũng không nhờ cha mẹ hai bên tìm cách để vợ chồng thảo luận, hàn gắn đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung và đến thời điểm hiện tại anh L và chị N mỗi người sống một nơi, không liên lạc, thăm hỏi nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị N và anh L không có sự thông cảm, tin tưởng lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc, cùng thực hiện các nhiệm vụ của gia đình để xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, chị N và anh L đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh L.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu T hiện đang sống chung với chị N và có nguyện vọng muốn sống với mẹ, anh L cũng đồng ý giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến đủ 18 tuổi nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Diệu T (nữ) sinh ngày 14/11/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của cháu T; đồng thời, ghi nhận ý kiến của chị N và anh L là anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự tiếp tục khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn với anh Đặng Thanh L .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Diệu T (nữ) sinh ngày 14/11/2011 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của con. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị N , về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị N nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu T , chị N có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh L có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị N phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ

(ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000614 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường K, thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU